

Số: 217/BC-UBND

Phong Hiền, ngày 16 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý III năm 2024

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL)

Việc đánh giá tác động quy định TTHC luôn được Ủy ban nhân dân xã thực hiện theo đúng quy định.

2. Thẩm định, thẩm tra TTHC quy định tại dự thảo VBQPPL

Tổ chức rà soát, thẩm tra các văn bản quy phạm pháp luật bảo đảm các tiêu chí về sự cần thiết, tính hợp lý, tính hợp pháp và tính hiệu quả.

3. Công bố, công khai TTHC, danh mục TTHC

Nhìn chung, các bộ phận chuyên môn UBND xã, cán bộ làm công tác đầu mối về kiểm soát TTHC đã xác định được tầm quan trọng của công tác này; qua đó kịp thời tuyên truyền, cập nhật và niêm yết công khai Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26/12/2023 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về việc ban hành danh mục TTHC được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã, phường, thị trấn cũng như các danh mục thủ tục hành chính mới được phê duyệt ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ hàng năm đảm bảo đầy đủ, thường xuyên tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang Thông tin điện tử của UBND xã nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho mọi tổ chức và công dân tra cứu trong giải quyết hồ sơ hành chính. Qua đó góp phần vào việc thực hiện có hiệu quả cao công tác cải cách hành chính trong thời gian qua tại địa phương.

4. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND, ngày 11 tháng 01 năm 2024 của UBND huyện Phong Điền về việc rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn huyện Phong Điền. UBND xã đã ban hành UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 29/KH-UBND, ngày 15 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Phong Hiền về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024 trên địa bàn xã Phong Hiền.

UBND xã đã chỉ đạo cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC, cán bộ chuyên môn UBND xã rà soát các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết còn khó khăn, chông chéo bất cập để kiến nghị phương án đơn giản hoá TTHC trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, đề nghị cấp có thẩm quyền tổ chức thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính theo quy định. Thường xuyên thực hiện công tác rà soát, thống kê bổ sung TTHC mới ban hành, sửa đổi,

bổ sung, thay thế sau khi UBND tỉnh có quyết định công bố bộ TTHC mới và rà soát TTHC hết hiệu lực, bị bãi bỏ đồng thời áp dụng ngay khi có văn bản mới được sửa đổi, bổ sung.

5. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định, TTHC

Thực hiện Quyết định số 08/2014/QĐ-UBND ngày 11/12/2014 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo nghiêm yết công khai địa chỉ nơi tiếp nhận xử lý, số điện thoại, địa chỉ email của cơ quan có thẩm quyền tại Bộ phận TN&TKQ và trên Trang Thông tin điện tử của UBND xã để tổ chức công dân kịp thời tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại.

- Trong quý III năm 2024, UBND xã không nhận được phản ánh, kiến nghị của tổ chức, công dân liên quan đến quy định thủ tục hành chính.

6. Tình hình, kết quả giải quyết TTHC

Việc giải quyết TTHC đã có những chuyển biến rõ rệt: thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tận tình, chuyên nghiệp.

Trong quý III năm 2024 (từ ngày 15/6/2024 đến ngày 14/9/2024), tổng số hồ sơ yêu cầu giải quyết TTHC là **240** hồ sơ. Trong đó có **41** DVC mức độ 2, **133** DVC trực tuyến mức độ 3, **66** DVC trực tuyến mức độ 4.

- Kết quả giải quyết TTHC: Số hồ sơ đã giải quyết **230** hồ sơ. Trong đó: hồ sơ giải quyết trước hạn và đúng hạn **230** hồ sơ (tỷ lệ 100%), số hồ sơ giải quyết quá hạn: **0** hồ sơ (tỷ lệ 0%). Số hồ sơ đang giải quyết **10** hồ sơ (trong đó: hồ sơ đang giải quyết chưa đến hạn **10** hồ sơ, hồ sơ đang giải quyết quá hạn: **0** hồ sơ)

- Số hồ sơ liên thông **40** hồ sơ: đã giải quyết **40** hồ sơ (đúng hạn **40** hồ sơ (tỷ lệ 100%), quá hạn **0** hồ sơ (tỷ lệ 0%), đang giải quyết **0** hồ sơ (tỷ lệ 0%).

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

- Triển khai thực hiện Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế và Quyết định số 3141/QĐ-UBND ngày 26/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được thực hiện tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.

- Thực hiện nghiêm yết công khai, rõ ràng, đầy đủ các thủ tục hành chính cấp xã tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả của Ủy ban nhân dân xã và trên Trang thông tin điện tử xã đảm bảo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện đúng quy định; đồng thời thực hiện việc tiếp nhận, giải quyết các thủ tục hành chính theo đúng nội dung đã được UBND tỉnh công bố.

- Thực hiện nghiêm túc quy trình xin lỗi theo Quyết định số 3461/QĐ-UBND ngày 30/12/2016 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành Quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính cho cá nhân, tổ chức trên địa bàn

tỉnh Thừa Thiên Huế; lấy ý kiến mức độ hài lòng của tổ chức, công dân theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết thủ tục hành chính ở các cơ quan, địa phương trên địa bàn tỉnh.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

UBND xã đã quán triệt và chỉ đạo các bộ phận chuyên môn chủ động nghiên cứu, tham mưu thực hiện nghiêm túc Nghị định số 45/2020/NĐ-CP của Chính phủ. Các TTHC đã được xây dựng quy trình điện tử, quá trình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả đều được thực hiện trên phần mềm xử lý dịch vụ công tập trung.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 05/2/2024 Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước, phát triển Chính phủ số, Chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng và triển khai việc số hóa kết quả giải quyết TTHC năm 2024. Đồng thời thực hiện nghiêm túc việc số hóa hồ sơ theo quy định. Trong quý III năm 2024, đã số hóa **240/240** hồ sơ, đạt tỷ lệ 100%.

9. Công tác truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát TTHC

Công tác tuyên truyền pháp luật nói chung cũng như phổ biến, quán triệt các văn bản chỉ đạo cấp trên về công tác kiểm soát TTHC luôn được UBND xã quan tâm, thực hiện quán triệt đến tận cán bộ và nhân dân về nhiệm vụ kiểm soát TTHC để thực hiện có hiệu quả. Bên cạnh đó công tác thông tin báo cáo luôn thực hiện đầy đủ và kịp thời đúng quy định.

Kinh phí phục vụ cho hoạt động kiểm soát TTHC luôn được UBND xã quan tâm bố trí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ, kinh phí hỗ trợ cán bộ đầu mối được quan tâm hỗ trợ đúng quy định.

10. Về việc nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC (không có)

11. Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

Lãnh đạo Ủy ban nhân dân xã thường xuyên kiểm tra việc thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính của cán bộ công chức và công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC, kịp thời chấn chỉnh, nhắc nhở khi có sai phạm.

UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 35/KH-UBND ngày 29/01/2024 về Tự kiểm tra việc thực hiện công tác cải cách hành chính; kiểm soát thủ tục hành chính; Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo năm 2024.

12. Các nội dung khác

Công tác cải cách hành chính nói chung và nhiệm vụ kiểm soát TTHC nói riêng luôn được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã đặc biệt quan tâm. Trên cơ sở Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn của tỉnh, huyện. UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 21/KH-UBND, ngày 09 tháng 01 năm 2024 của UBND xã Phong Hiền về kiểm soát TTHC năm 2024 trên địa bàn xã Phong Hiền.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Đánh giá chung về kết quả đạt được

Công tác kiểm soát TTHC luôn được Đảng ủy, UBND xã đặc biệt quan tâm xem đây là nhiệm vụ trọng tâm trong Chương trình cải cách hành chính của xã, nhờ vậy hoạt động kiểm soát TTHC trên địa bàn xã Phong Hiền đã dần đi vào nề nếp, đạt được những mục tiêu và kế hoạch, giải pháp đề ra, công tác niêm yết, công khai thủ tục hành chính; tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính của người dân, tổ chức được quan tâm; việc giải quyết thủ tục hành chính cơ bản đáp ứng được thời gian quy định; trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ được nâng cao, từ đó nhằm góp phần tạo sự chuyển biến trong công tác cải cách TTHC trong thời gian qua.

2. Một số tồn tại, vướng mắc và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn xã vẫn còn một số khó khăn, vướng mắc sau:

- Nhiệm vụ công tác kiểm soát TTHC là một nhiệm vụ thường xuyên, tuy nhiên việc cập nhật rà soát đôi khi chưa kịp thời và công chức phụ trách chưa được tham gia các lớp tập huấn chuyên sâu, chưa có kinh nghiệm nên đôi lúc tham mưu thực hiện nhiệm vụ chưa được tốt, thiếu kịp thời.

- Công tác tuyên truyền về hoạt động kiểm soát TTHC còn hạn chế, sự phối hợp giải quyết thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực chuyên môn UBND xã chưa thật sự rõ ràng, do đó, hiệu quả đạt được chưa cao.

- Một số TTHC thuộc phạm vi, thẩm quyền giải UBND xã đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố, nhưng trong quá trình thực hiện có những khó khăn, vướng mắc do sự thay đổi của văn bản quy phạm pháp luật mới có hiệu lực nên còn khó khăn trong cập nhật, áp dụng trong thực tiễn công tác.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ IV NĂM 2024

1. Thực hiện báo cáo công tác kiểm soát TTHC theo Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ và báo cáo các công việc khác đã được giao nhiệm vụ tại các văn bản chỉ đạo của UBND huyện về công tác kiểm soát TTHC.

2. Tiếp tục rà soát, đơn giản hóa TTHC năm 2024. Báo cáo UBND huyện các bất cập, vướng mắc (nếu có) để bổ sung vào kế hoạch rà soát, đơn giản hóa TTHC.

3. Tiếp tục thực hiện niêm yết công khai các danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh.

4. Duy trì cơ chế tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về quy định thủ tục hành chính; về hành vi của cán bộ, công chức bằng hình thức thông báo công khai đường dây nóng, hòm thư góp ý.

5. Tham gia các lớp tập huấn nghiệp vụ, các lớp tăng cường năng lực cán bộ, công chức là đầu mối kiểm soát TTHC.

6. Tuyên truyền công tác kiểm soát thủ tục hành chính của cơ quan, đơn vị trên phương tiện thông tin để phản ánh kết quả công tác chỉ đạo điều hành, sáng kiến cải cách TTHC, ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình cải cách quy trình giải quyết TTHC,...

IV. KIẾN NGHỊ VÀ ĐỀ XUẤT

Ủy ban nhân dân huyện thường xuyên (hoặc định kỳ 3 tháng, 6 tháng) cần tổ chức tập huấn, giao ban phổ biến về phương pháp, những cách làm hiệu quả để đội ngũ cán bộ làm nhiệm vụ đầu mối nắm bắt, trao đổi, học tập kinh nghiệm lẫn nhau trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- UBND cần mở lớp đào tạo chuyên sâu hơn để đào tạo nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC, đặc biệt là ở cấp xã.

Trên đây là kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính quý III năm 2024 của Ủy ban nhân dân xã Phong Hiền./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nơi nhận:

- UBND huyện; (Qua VP HĐND&UBND)
- TV Đảng ủy;
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- Các công chức có liên quan;
- Lưu: VT.

Trần Đức Thiện

Biểu số
II.06a/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH TẠI UBND XÃ PHONG HIỀN
Kỳ báo cáo: quý III năm 2024
(Từ ngày 15/6/2024 đến hết ngày 14/9/2024)

- Đơn vị báo cáo: UBND xã Phong Hiền
- Đơn vị nhận báo cáo: UBND huyện Phong Điền.

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC.

| STT | Lĩnh vực giải quyết | Số lượng hồ sơ tiếp nhận | | | | Số lượng hồ sơ đã giải quyết | | | | Số lượng hồ sơ đang giải quyết | | |
|------------------|-------------------------------------|--------------------------|------------|------------------------------|-------------|------------------------------|------------|----------|----------|--------------------------------|-----------|----------|
| | | Tổng số | Trong kỳ | | Từ kỳ trước | Tổng số | Trước hạn | Đúng hạn | Quá hạn | Tổng số | Trong hạn | Quá hạn |
| | | | Trực tuyến | Trực tiếp, dịch vụ bưu chính | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3)=(4)+(5)+ (6) | (4) | (5) | (6) | (7)=(8)+(9)+ (10) | (8) | (9) | (10) | (11)=(12)+ (13) | (12) | (13) |
| 1 | Lĩnh vực Hộ tịch | 85 | 85 | 0 | 0 | 85 | 85 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Lĩnh vực chứng thực | 110 | 110 | 0 | 0 | 110 | 110 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Lĩnh vực BTXH | 4 | 4 | 0 | 0 | 4 | 4 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Lĩnh vực BTXH (liên thông) | 20 | 0 | 20 | 0 | 11 | 10 | 1 | 0 | 9 | 9 | 0 |
| 5 | Lĩnh vực Người có công (liên thông) | 21 | 0 | 21 | 0 | 20 | 20 | 0 | 0 | 1 | 1 | 0 |
| 6 | Lĩnh vực Đất đai (liên thông) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| TỔNG CỘNG | | 240 | 199 | 41 | 0 | 230 | 229 | 1 | 0 | 10 | 10 | 0 |

Biểu số
II.08/VPCP/KSTT

TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRÊN
MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA UBND XÃ PHONG HIỀN

- Đơn vị báo cáo: UBND xã Phong Hiền
- Đơn vị nhận báo cáo: UBND huyện Phong Điền.

Kỳ báo cáo: quý III năm 2024

(Từ ngày 15/6/2024 đến hết ngày 14/9/2024)

Đơn vị tính: Số hồ sơ TTHC

| TT | Lĩnh vực | Mức độ | DVCTT mức độ 3 | | | DVCTT mức độ 4 | | | Tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia(có=1; không=0) |
|----------|--|--------|----------------|---------------|--------------------------|----------------|---------------|--------------------------|--|
| | | | Được giao | Đã triển khai | Số lượng hồ sơ phát sinh | Được giao | Đã triển khai | Số lượng hồ sơ phát sinh | |
| A | DVCTT DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO | | | | | | | | |
| | CẤP XÃ | | | | 133 | | 66 | | |
| I | Hộ tịch (Bộ Tư pháp) | | | | 21 | | 64 | | |
| 1 | Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | 3 | | | | | | 1 | |
| 2 | Liên thông: Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, hỗ trợ chi phí mai táng | 3 | | | | | | 1 | |
| 3 | Thủ tục đăng ký kết hôn | 3 | | | 5 | | 3 | 1 | |
| 4 | Thủ tục đăng ký lại kết hôn | 3 | | | | | | 1 | |
| 5 | Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con | 3 | | | | | | 1 | |
| 6 | Đăng ký khai tử | 3 | | | 6 | | 12 | 1 | |
| 7 | Thủ tục đăng ký khai tử lưu động | 3 | | | | | | 1 | |
| 8 | Đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | 3 | | | | | | 1 | |
| 9 | Đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới | 3 | | | | | | 1 | |
| 10 | Đăng ký khai sinh lưu động | 3 | | | | | | 1 | |
| 11 | Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | 4 | | | 4 | | 25 | 1 | |
| 12 | Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động | 4 | | | | | | 1 | |
| 13 | Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi | 4 | | | | | | 1 | |
| 14 | Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân | 4 | | | | | | 1 | |
| 15 | Thủ tục đăng ký khai sinh | 4 | | | | | 2 | 1 | |
| 16 | Thủ tục đăng ký lại khai sinh | 4 | | | | | 2 | 1 | |

| | | | | | | | | | |
|-----------|--|---|--|--|---|--|--|----|---|
| 17 | Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân | 4 | | | 6 | | | 20 | 1 |
| II | Người có công (Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội) | | | | | | | | |
| | Thăm viếng mộ liệt sĩ | 4 | | | | | | | 1 |
| B | DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI | | | | | | | | |
| | CẤP XÃ | | | | | | | | |
| I | Bảo trợ xã hội (Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội) | | | | 4 | | | | |
| 1 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở | 3 | | | | | | | 1 |
| 2 | Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội (được trợ giúp xã hội thường xuyên tại cộng đồng) | 3 | | | | | | | 1 |
| 3 | Trợ giúp xã hội khẩn cấp về hỗ trợ chi phí mai táng | 4 | | | | | | | 1 |
| 4 | Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn | 4 | | | | | | | 1 |
| 5 | Thủ tục Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế | 4 | | | | | | | 1 |
| 6 | Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm | 4 | | | | | | | 1 |
| 7 | Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm | 4 | | | | | | | 1 |
| 8 | Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật | 4 | | | | | | | 1 |
| 9 | Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật | 4 | | | 4 | | | | 1 |
| 10 | Nhận chăm sóc, nuôi dưỡng đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp | 4 | | | | | | | 1 |
| 11 | Quyết định trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú giữa các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, trong và ngoài tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương | 4 | | | | | | | 1 |
| 12 | Chi trả trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng khi đối tượng thay đổi nơi cư trú trong cùng địa bàn quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh | 4 | | | | | | | 1 |
| 13 | Thủ tục thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng | 4 | | | | | | | 1 |
| 14 | Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh | 4 | | | | | | | 1 |
| II | Các cơ sở giáo dục khác (Bộ Giáo dục và Đào tạo) | | | | | | | | |
| 1 | Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | 4 | | | | | | | 1 |
| 2 | Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học | 4 | | | | | | | 1 |
| 3 | Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập | 4 | | | | | | | 1 |
| 4 | Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập) | 4 | | | | | | | 1 |

| | | | | | | | | |
|------------|---|---|--|--|------------|--|----------|---|
| 5 | Cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại | 4 | | | | | | 1 |
| III | Chính sách Thuế (Bộ Tài chính) | | | | | | | |
| 1 | Kê khai, thẩm định tờ khai phí bảo vệ môi trường đối với nước thải | 3 | | | | | | 1 |
| IV | Chứng thực (Bộ Tư pháp) | | | | 108 | | 2 | |
| 1 | Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | 3 | | | | | | 1 |
| 2 | Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | 3 | | | 58 | | 1 | 1 |
| 3 | Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản | 3 | | | 5 | | | 1 |
| 4 | Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở | 3 | | | 15 | | | 1 |
| 5 | Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực | 3 | | | 1 | | 1 | 1 |
| 6 | Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch | 3 | | | | | | 1 |
| 7 | Thủ tục chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận | | | | 29 | | | 1 |
| V | Môi trường (Bộ Tài nguyên và Môi trường) | | | | | | | |
| 1 | Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường | 4 | | | | | | 1 |
| 2 | Xác nhận Hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích | 4 | | | | | | 1 |
| VI | Người có công (Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội) | | | | | | | |
| 1 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng ngoài nghĩa trang liệt sĩ về an táng tại nghĩa trang liệt sĩ theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 3 | | | | | | 1 |
| 2 | Di chuyển hài cốt liệt sĩ đang an táng tại nghĩa trang liệt sĩ đi nơi khác theo nguyện vọng của đại diện thân nhân hoặc người hưởng trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 3 | | | | | | 1 |
| 3 | Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sĩ | 3 | | | | | | 1 |
| 4 | Công nhận đối với người bị thương trong chiến tranh không thuộc quân đội, công an | 3 | | | | | | 1 |
| 5 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với trường hợp tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” | 3 | | | | | | 1 |
| 6 | Công nhận và giải quyết chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | 3 | | | | | | 1 |
| 7 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động cách mạng | 3 | | | | | | 1 |
| 8 | Giải quyết chế độ trợ cấp ưu đãi đối với thân nhân liệt sĩ | 3 | | | | | | 1 |
| 9 | Thủ tục "Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập" | 3 | | | | | | 1 |

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|---|--|--|--|--|--|--|---|
| 10 | Giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Căm – pu – chia | 3 | | | | | | | 1 |
| 11 | Giải quyết chế độ hỗ trợ để theo học đến trình độ đại học tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân | 4 | | | | | | | 1 |
| 12 | Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng | 4 | | | | | | | 1 |
| 13 | Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế | 4 | | | | | | | 1 |
| 14 | Cấp bổ sung hoặc cấp lại giấy chứng nhận người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý và giấy chứng nhận thân nhân liệt sĩ | 4 | | | | | | | 1 |
| 15 | Lập sổ theo dõi, cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình, phương tiện, thiết bị phục hồi chức năng đối với trường hợp đang sống tại gia đình hoặc đang được nuôi dưỡng tập trung tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng do địa phương quản lý | 4 | | | | | | | 1 |
| 16 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến hiện không công tác trong quân đội, công an | 4 | | | | | | | 1 |
| 17 | Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sĩ | 4 | | | | | | | 1 |
| 18 | Giải quyết chế độ ưu đãi đối với vợ hoặc chồng liệt sĩ lấy chồng hoặc vợ khác | 4 | | | | | | | 1 |
| 19 | Hưởng trợ cấp khi người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi tử trần | 4 | | | | | | | 1 |
| 20 | Công nhận và giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng, kháng chiến, bảo vệ tổ quốc, làm nghĩa vụ quốc tế bị địch bắt tù, đày | 4 | | | | | | | 1 |
| 21 | Công nhận và giải quyết chế độ ưu đãi người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học | 4 | | | | | | | 1 |
| 22 | Tiếp nhận người có công vào cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công do tỉnh quản lý | 4 | | | | | | | 1 |
| 23 | Thủ tục "Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập" | 4 | | | | | | | 1 |
| VII | Nuôi con nuôi (Bộ Tư pháp) | | | | | | | | |
| 1 | Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi | 3 | | | | | | | 1 |
| 2 | Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước | 3 | | | | | | | 1 |
| VIII | Phổ biến giáo dục pháp luật (Bộ Tư pháp) | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục thanh toán thù lao cho hòa giải viên | 4 | | | | | | | 1 |
| IX | Phòng, chống tệ nạn xã hội (Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội) | | | | | | | | |
| 1 | Đăng ký cai nghiện ma túy tự nguyện | 3 | | | | | | | 1 |
| 2 | Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân | 3 | | | | | | | 1 |
| X | Phòng, chống thiên tai (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) | | | | | | | | |
| 1 | Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu | 4 | | | | | | | 1 |

| | | | | | | | | | |
|-------------|--|---|--|--|--|--|--|--|---|
| | Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai | 4 | | | | | | | 1 |
| XII | Thi đua - khen thưởng (Bộ Nội vụ) | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến | 4 | | | | | | | 1 |
| 2 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đột xuất | 4 | | | | | | | 1 |
| 3 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc chuyên đề | 4 | | | | | | | 1 |
| 4 | Thủ tục tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị | 4 | | | | | | | 1 |
| XIII | Thư viện (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục thông báo thành lập thư viện đối với thư viện cộng đồng | 3 | | | | | | | 1 |
| XIV | Tôn giáo Chính phủ (Bộ Nội vụ) | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | 3 | | | | | | | 1 |
| 2 | Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc | 4 | | | | | | | 1 |
| 3 | Thủ tục thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung | 4 | | | | | | | 1 |
| 4 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác | 4 | | | | | | | 1 |
| 5 | Thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã | 4 | | | | | | | 1 |
| 6 | Thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung | 4 | | | | | | | 1 |
| 7 | Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã | 4 | | | | | | | 1 |
| 8 | Thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung | 4 | | | | | | | 1 |
| 9 | Thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng | 4 | | | | | | | 1 |
| 10 | Đăng ký hoạt động tín ngưỡng | 4 | | | | | | | 1 |
| XV | Trẻ em (Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội) | | | | | | | | |
| 1 | Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế | 4 | | | | | | | 1 |
| 2 | Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em | 4 | | | | | | | 1 |
| 3 | Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em | 4 | | | | | | | 1 |
| 4 | Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt | 4 | | | | | | | 1 |
| XVI | Trồng trọt (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) | | | | | | | | |
| 1 | Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa | 4 | | | | | | | 1 |
| XVII | Văn hóa (Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) | | | | | | | | |
| 1 | Thủ tục xét tặng danh hiệu Gia đình văn hóa hàng năm | 3 | | | | | | | 1 |